

Số: 64.a /QĐ - NTT

Phú nhuận, ngày 28 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai
Số liệu chi ngân sách năm 2023 của Trường THCS Ngô Tất Tố

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGÔ TẤT TỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ báo cáo quyết toán được lập ngày 31/03/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường THCS Ngô Tất Tố (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, kế toán và các cán bộ viên chức của Trường THCS Ngô Tất Tố chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thành Bảo

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS NGÔ TẤT TỐ**

Chương: **622**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	phí	15.566.514.500	15.566.514.500		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
2	Thu học phí	4.984.920.000	4.984.920.000		
3	Thu sự nghiệp khác	10.581.594.500	10.581.594.500		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	22.243.602.425	22.243.602.425		
1	<i>Chi sự nghiệp từ thu học phí</i>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.989.745.867	11.989.745.867		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	<i>Chi từ thu sự nghiệp khác</i>	10.253.856.558	10.253.856.558		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	22.243.602.425	22.243.602.425		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>				
2.1	nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.989.745.867	11.989.745.867		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.253.856.558	10.253.856.558		
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Ngô Thành Bảo